

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 730/TTr-TNMT ngày 04/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động, địa chỉ trụ sở chính tại thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu xử lý rác thải và lò đốt rác cụm 3 xã (Hữu Sản, An Lạc, Vân Sơn), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”, địa chỉ tại xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu xử lý rác thải và lò đốt rác cụm 3 xã (Hữu Sản, An Lạc, Vân Sơn), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, với diện tích khoảng 02ha.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư: Xử lý rác thải sinh hoạt với công suất của lò đốt rác là 01 tấn/giờ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động được cấp Giấy phép môi trường

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành. Các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Sơn Động, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu xử lý rác thải và lò đốt rác chum 3 xã (Hữu Sản, An Lạc, Vân Sơn), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” tại xã Vân Sơn, huyện Sơn Động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng; UBND huyện Sơn Động, UBND xã Vân Sơn; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt của công nhân vận hành lò đốt.

2. Dòng nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại ao nước tự nhiên phía Bắc cạnh dự án.

Toạ độ: X: 490999; Y: 2364118 (sử dụng hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 105⁰45', múi chiều 3⁰)

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 0,6 m³/ngày.đêm tương đương 0,025m³/giờ (tính theo 24 giờ).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả thải: Liên tục (24 giờ).

- Nguồn tiếp nhận: Tại ao nước tự nhiên phía Bắc cạnh dự án.

2.2.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 14:2008/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT cột B
1	pH	–	5 đến 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10

10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh (bồn tiểu, bồn cầu) được thu gom vào các ống nhựa UPVC-D110, kèm theo các ống thông hơi, tất cả đặt trong các hộp kỹ thuật đổ vào bể tự hoại. Xây dựng bể tự hoại có thể tích 10 m^3 , kích thước dài x rộng x sâu = $(3,82 \times 1,72 \times 1,53) \text{ m}$, xây gạch chỉ 75# với vữa XM 75# trát vữa xi măng 75# dày 30, trát làm 2 lần. Các cấu kiện đổ bê tông đá dăm 200#, cốt thép CT3.

- Nước rỉ rác: Trong khu vực nhà chứa, phơi rác có hệ thống rãnh kín thu nước rỉ rác kích thước B400 dài 111 m nằm xung quanh sân chứa và được đưa về bể thu gom thể tích $6 \times 4 \times 2 = 48 \text{ m}^3$ để lưu chứa. Nước rỉ rác sau đó được tận dụng tưới lại rác trước khi đem đốt vào những ngày hanh khô.

- Dung dịch kiềm thải: Dung dịch kiềm sau sử dụng được chứa trong 2 bể chứa có dung tích khoảng $11,3 \text{ m}^3$ mỗi bể, sau đó được tuần hoàn sử dụng lại mà không thải bỏ, định kỳ 03 tháng/lần thuê đơn vị có đủ chức năng hút cặn bùn xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

*** Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể tự hoại nằm dưới đất hình chữ nhật được chia làm 3 ngăn: ngăn 1 thu và lên men; ngăn 2 lắng, phân hủy sinh học; ngăn 3 lắng, chảy tràn. Nước thải sau khi được xử lý chảy ra ao nước tự nhiên phía Bắc dự án.

- Lưu lượng nước thải cần xử lý $0,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Thông số kỹ thuật: Bể tự hoại có thể tích 10 m^3 , kích thước dài x rộng x sâu = $(3,82 \times 1,72 \times 1,53) \text{ m}$, xây gạch chỉ 75# với vữa XM 75# trát vữa xi măng 75# dày 30, trát làm 2 lần. Các cấu kiện đổ bê tông đá dăm 200#, cốt thép CT3.

- Hoá chất sử dụng: Định kỳ 03 - 06 tháng/lần bổ sung men vi sinh xuống bể tự hoại để xử lý. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý đảm bảo các chỉ tiêu phân tích đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 công trình xử lý nước thải của dự án là bể tự hoại không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ lò đốt công suất 1000kg/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt rác tại dự án được xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải lắp đặt đồng bộ cùng với lò đốt rác.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác công nghệ SH-1000-TL. Tọa độ: X = 2364048; Y = 490941 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $4.000\text{m}^3/\text{giờ}$ tương đương khoảng $44.000\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian lò đốt hoạt động (thời gian hoạt động 11 tiếng/ngày)

- Nguồn tiếp nhận khí thải: Môi trường không khí xung quanh khu vực thực hiện dự án.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 61-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu huỳnh dioxyt, SO_2	mg/Nm^3	250	03 tháng/lần
2	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm^3	250	
3	NO_x (Tính theo NO_2)	mg/Nm^3	500	
4	Bụi tổng (PM)	mg/Nm^3	100	
5	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd	mg/Nm^3	0,16	
6	Chì và hợp chất tính theo Pb	mg/Nm^3	1,2	
7	Thủy ngân (Hg)	mg/Nm^3	0,2	
8	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm^3	50	
9	Tổng Dioxin/Fugian	NgTEQ/Nm	0,6	01 năm/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công suất 1.000 kg/giờ, được xử lý trực tiếp trong quá trình hoạt động của lò đốt và qua hệ thống xử lý khí thải đồng bộ với lò đốt.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị đa chức năng → Thiết bị tách nước → Thiết bị hấp phụ than hoạt tính → ống khói thoát ra ngoài môi trường. (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT).

Khí thải của lò đốt qua hệ thống xử lý khí. Hệ thống xử lý khí thải gồm : Thiết bị đa chức năng (chức năng hạ nhanh nhiệt độ của khí thải từ 950°C xuống dưới 300°C để hạn chế sự tái sinh Dioxin/ Furan + chức năng khử bụi theo phương pháp ẩm + chức năng hấp thụ); sau thiết bị đa chức năng là thiết bị tách nước, thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính, quạt hút khí tạo áp suất âm trong lò, ống khói có điểm chuẩn lấy mẫu khí. Khí thải qua ống khói ra môi trường bên ngoài có thành phần khí bảo đảm QCVN61-MT :2016/BTNMT

- Công suất thiết kế: Công suất thiết kế của lò đốt rác là 4.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Ca(OH)₂ : Định lượng sử dụng khoảng 8kg/tấn rác.

+ Than hoạt tính: 400 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trong quá trình vận hành, chủ dự án sẽ phải tiến hành bảo dưỡng định kỳ lò đốt. Tùy vào quá trình bảo dưỡng, thời gian có thể kéo dài từ 3 – 5 ngày. Do đó, trong thời gian chờ bảo dưỡng lò, lượng rác tập kết sẽ được phân loại và sấy đảm bảo độ ẩm thích hợp, hạn chế tối đa lượng nước rỉ rác phát sinh. Ngoài ra, Chủ dự án sẽ tăng tần suất phun chế phẩm vi sinh trên diện tích khu vực tập kết và lưu giữ rác và phun thuốc diệt ruồi, muỗi và các côn trùng có tiềm năng gây bệnh để đảm bảo sức khỏe cho công nhân vận hành.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải tiến hành tạm dừng lò đốt cho đến khi khắc phục xong sự cố. Toàn bộ lượng rác thải sẽ được lưu chứa vào khu tập kết và phun hóa chất khử mùi, khử côn trùng lên khu tập kết rác thải (tần suất 2 lần/ngày).

- Sau khi khắc phục xong sự cố sẽ tiến hành vận hành lò với thời gian đốt hàng ngày để xử lý hết lượng rác tồn lưu và lượng rác phát sinh mới.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tháng 12/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải tại lò đốt rác công suất 1000kg/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải	Bụi tổng; Axit Clohydric, HCl; Cacbon monoxyt, CO; Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂ ; Nitơ oxyt, NO _x (tính theo NO ₂); Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg; Cadimi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd; Chì và hợp chất tính theo chì, Pb; Dioxin/Furan.	- Lấy mẫu đơn với tần suất 1 ngày/lần; - Thời gian quan trắc: trong 3 ngày liên tiếp, từ 19/12/2023 đến 21/12/2023.	QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Sơn Động để kịp thời xử lý

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ quá trình vận hành lò đốt tại dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- 01 vị trí tại khu vực đặt lò đốt rác của khu xử lý rác thải tập trung cụm 3 xã (An Lạc, Hữu Sản, Vân Sơn) thực hiện tại xã Vân Sơn, huyện Sơn Động. Toạ độ: X = 2364045; Y = 490941 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân quạt hút. Kiểm tra độ mòn chi tiết khi cho dầu bôi trơn định kỳ. Lắp đệm cao su và lò so chống rung đối với thiết bị có công suất lớn. Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án để giảm tiếng ồn.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình hoạt động, điều chỉnh hoạt động cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành. Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân lao động theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: khoảng 2.750,95 kg/năm, gồm:

TT	Tên chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	15
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	17
3	Dầu động cơ và dầu bôi trơn thải	Rắn	11
4	Than hoạt tính sau hấp phụ	Rắn	400
5	Cặn bể chứa dung dịch kiềm thải	Lỏng	408,15
6	Chất thải nguy hại từ hoạt động phân loại rác	Rắn	1.899,8
Tổng			2.750,95

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Chất thải rắn thu gom dự báo lớn nhất khoảng 10,41 tấn/ngày.

- Loại không tái chế được, không đốt được như: gạch, ngói, đất cát...sẽ được công nhân thu gom vào khu vực hố chôn chất thải của khu vực dự án với khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 1,56 tấn/ngày.

+ Loại có thể tái chế được như: kim loại, chai lọ, vật dụng bằng nhựa,...khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 0,52 tấn/ngày.

+ Tro, xỉ thải phát sinh sau quá trình đốt dự báo lớn nhất khoảng 2,2 tấn/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3kg/ngày, tương đương với 90 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu giữ trong các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại 7,17m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho lưu giữ CTNH bảo đảm sàn kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ kho lưu giữ CTNH. Bên ngoài kho có dán cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải có khả năng tái chế như giấy, bao bì, giấy vụn,... Thu gom và bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn từ hoạt động phân loại rác thải (trừ CTNH) bao gồm các vật liệu không cháy như: đất cát, sành sứ, vật liệu xây dựng,... sẽ được chôn lấp tại khu vực chôn lấp tro xỉ thải của dự án.

- Các thành phần còn lại không có khả năng tái chế có thể đốt thì được xử lý tại lò đốt của cơ sở.

- Lượng tro sau khi đốt sẽ và các loại chất thải không thể đốt được chôn lấp tại khu vực chôn lấp có diện tích 825m² của dự án.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án: Lượng chất thải phát sinh không lớn, lượng chất thải này sẽ được thu gom, lưu giữ tại khu vực tập kết và phân loại chất thải của dự án sau đó được xử lý tại lò đốt rác của dự án.

- Đối với chất thải tại bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất tối đa khoảng 1 lần/năm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành các bể xử lý nước thải tại Dự án đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh để tái sử dụng tưới ẩm vào rác và tưới cây trong khu vực dự án, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước mặt xung quanh, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò đốt đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng khí thải phát sinh đạt Quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường. Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 730/TTr-TNMT ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.